

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ LONG HIỆP**

Số: /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Hiệp, ngày tháng năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình hoạt động công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn xã Long Hiệp, giai đoạn 2018-2022**

Căn cứ Công văn số 203/UBND-KTTH ngày 13/3/2023 của UBND huyện Minh Long về việc cung cấp số liệu phục vụ Đoàn giám sát ban kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh,

UBND xã báo cáo tình hình hoạt động công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

#### **I. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện:**

Thực hiện quy định của Trung ương và địa phương, UBND xã đã ban hành các văn bản để triển khai thực hiện, cụ thể:

- Quản lý công trình: UBND xã đã thành lập Tổ chức quản lý, khai thác công trình nước sinh hoạt trên địa bàn xã:

+ Tổ quản lý công trình: Nước sạch sinh hoạt thôn Dục Ái( Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của Chủ tịch UBND xã Long Hiệp về việc thành lập Tổ chức quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng công trình nước sinh hoạt thôn Dục Ái, xã Long Hiệp);

+ Tổ quản lý công trình: Nước sạch sinh hoạt thôn Hà Bôi( Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của Chủ tịch UBND xã Long Hiệp về việc thành lập Tổ chức quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng công trình nước sinh hoạt thôn Hà Bôi, xã Long Hiệp).

- Phương án giá và giá tiêu thụ nước sinh hoạt: UBND xã đã xây dựng Phương án giá và giá tiêu thụ nước sinh hoạt 02 công trình trên địa bàn xã:

+ Phương án số 02/PA-UBND ngày 20/11/2018 của UBND xã Long Hiệp Phương án giá và giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt Công trình: Nước sạch sinh hoạt thôn Dục Ái, xã Long Hiệp;

+ Phương án số 03/PA-UBND ngày 20/11/2018 của UBND xã Long Hiệp Phương án giá và giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt Công trình: Nước sạch sinh hoạt thôn Hà Bôi, xã Long Hiệp.

*( Tuy nhiên, Phương án chưa được duyệt và UBND xã chưa thực hiện theo Phương án)*

## **II. Tình hình, kết quả đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, bảo dưỡng các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn xã, giai đoạn 2018-2022:**

### **2.1. Tình hình đầu tư xây dựng các công trình nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn xã:**

Kết quả đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung:

- Giai đoạn 2018-2022, có 01 công trình sửa chữa:

+ Công trình: Nước sạch sinh hoạt thôn Hà Bôi, do Ban quản lý dự án huyện chủ đầu tư( công trình đang thi công)

### **2.2. Tình hình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn xã, giai đoạn 2018-2022:**

Chỉ số 1: Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh: 74,9%( năm 2018); 81,1%( năm 2019); 89,2%( năm 2020); 90%( năm 2021); 92,2%( năm 2022).

Chỉ số 2: Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn Việt Nam: 24,6%( năm 2019); 41,9%( năm 2020); 42,1%( năm 2021); 36%( năm 2022).

Chỉ số 3: Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh: 63%( năm 2018); 67,3%( năm 2019); 74%( năm 2020); 56,3%( năm 2021); 83%( năm 2022).

Chỉ số 4: Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn Việt Nam: 15,7%( năm 2019); 10%( năm 2020); 18,8%( năm 2021); 5,1%( năm 2022).

Chỉ số 5: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung kém hiệu quả: 100%( 2/2 công trình xã quản lý), trong đó có 01 công trình(Nước sạch sinh hoạt thôn Hà Bôi) năm 2022 không hoạt động.

### **2.3. Tình hình quản lý, khai thác, sử dụng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn xã:**

#### **2.3.1. Thực trạng hoạt động của toàn bộ công trình nước sạch nông thôn, tập trung đầu tư từ ngân sách nhà nước trên địa bàn xã:**

- Tổng số công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn xã đến thời điểm ngày 31/12/2022: 03 công trình, trong đó: số công trình do xã quản lý: 02 công trình.

- Số công trình hoạt động không bền vững: 02 công trình( HTCNSHTC Thác Trắng huyện Minh Long và Nước sạch sinh hoạt thôn Dục Ái);

- Số công trình không hoạt động: 01 công trình (Nước sạch sinh hoạt thôn Hà Bôi), hiện đang sửa chữa.

### **2.3.2. Thành lập tổ chức quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng công trình và định biên nhân sự quản lý:**

- Có 02 đơn vị quản lý( 02 Tổ quản lý, khai thác công trình xã thành lập, mỗi công trình 01 Tổ);

- Hiệu quả hoạt động: Do không có kinh phí hỗ trợ cho Tổ quản lý, nên trách nhiệm còn hạn chế( thành viên Tổ quản lý chủ yếu là Ban cán sự thôn), mặc khác, những người quản lý hầu hết là chưa được tập huấn về công tác vận hành công trình nên công tác quản lý chỉ ở mức là trông coi và báo cáo khi có sự cố.

### **2.4. Về quản lý chất lượng:**

- Chất lượng nước cung cấp của các công trình nước sạch tập trung trên địa bàn:

+ Trên địa bàn xã hiện có 02 công trình( do xã quản lý) nước sạch tập trung( Công trình: Nước sạch sinh hoạt thôn Dục Ái và công trình: Nước sạch sinh hoạt thôn Hà Bôi). Trong đó 01 công trình hoạt động kém bền vững, nhất là vào mùa hè không có nước cung cấp cho hộ dân( nguyên nhân chủ yếu là do nguồn nước vào mùa hè rất ít và đầu đập thu nước bị xuống cấp), các hệ thống bể lắng, lọc sử dụng quá lâu chưa được sửa chữa, thay thế, do đó chất lượng nước không được đảm bảo. Còn 01 công trình (Hà Bôi) không còn hoạt động do xuống cấp, hư hỏng.

- Về kiểm định, xét nghiệm chất lượng nước của các công trình cấp nước tập trung:

Giai đoạn 2018-2022 không có kiểm định, xét nghiệm chất lượng nước của các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn xã( tháng 3/2023 có lấy mẫu nước ở Công trình: Nước sạch sinh hoạt thôn Dục Ái xét nghiệm).

## **III. Nhận xét, đánh giá:**

### **1. Mặt được:**

- Người dân từng bước hiểu được tầm quan trọng và hiệu quả của công trình nước sạch đem lại, nên ý thức bảo vệ công trình và sử dụng nước của người dân có nâng lên; bảo vệ công trình nước sạch không chỉ là Ban cán sự thôn mà đa số hộ dân trong cộng đồng dân cư vào cuộc, thực hiện.

### **2. Tồn tại, hạn chế:**

- Hiệu quả hoạt động công trình nước sạch hạn chế; công suất thực tế thấp hơn nhiều so với thiết kế, nhất là mùa hè hầu như không có nước để người dân sử dụng;

- Thường trong mùa hè( từ tháng 4 đến tháng 7), mỗi công trình có khoảng 5-10 hộ sử dụng( những hộ ở đầu tuyến), còn những hộ phía sau tuyến không có nước;

- Công tác kiểm định chất lượng nước chưa được thực hiện; công tác sửa chữa chưa kịp thời, nhất là việc thay các bể lắng, lọc( hiện tại hầu như bể lọc không có tác dụng, nước chảy trực tiếp từ nguồn đến hộ dân) chưa được duy tu, sửa chữa;

- Những người quản lý hầu hết là chưa có chuyên môn, chỉ được tập huấn thời gian ngắn hạn về công tác vận hành công trình( thậm chí có một số người chưa được tập huấn), nên công tác quản lý chỉ ở mức là trông coi và báo cáo khi có sự cố;

- Công tác duy tu, sửa chữa còn hạn chế, chưa được thường xuyên và kịp thời( hiện tại công trình: Nước sạch sinh hoạt thôn Dục Ái cần phải sửa chữa, một số tuyến ống dẫn nước đã bị hư hỏng).

#### **IV. Đề xuất kiến nghị:**

- Tập huấn cho người quản lý công trình để nắm bắt quy trình vận hành của công trình nước sạch tập trung;

- Để đảm bảo nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường cho người dân, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số, cần có sự quan tâm nhiều hơn nữa của cấp trên về hỗ trợ kinh phí sửa chữa kịp thời để người dân sớm có được nguồn nước hợp vệ sinh, sinh hoạt ổn định, góp phần phát triển kinh tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn xã Long Hiệp trong giai đoạn 2018-2022 ./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện(Phòng NN&PTNT);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Xuân**

